

Số: /TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Nghị quyết hỗ trợ kinh phí tư vấn khám sức khỏe trước khi kết hôn; hỗ trợ phương tiện tránh thai và chi phí thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Căn cứ Luật Dân số số 113/2025/QH15, ngày 10 tháng 12 năm 2025

Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh hỗ trợ kinh phí tư vấn khám sức khỏe trước khi kết hôn; hỗ trợ phương tiện tránh thai và chi phí thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Hoạt động tư vấn khám sức khỏe trước khi kết hôn

- Nâng cao chất lượng dân số đóng vai trò quan trọng trong công tác dân số và phát triển của tỉnh. Các hoạt động thực hiện kế hoạch về nâng cao chất lượng dân số đã từng bước mở rộng trên địa bàn tỉnh, trong đó tư vấn và khám sức khỏe cho nam, nữ thanh niên trước khi kết hôn được triển khai nhằm phòng ngừa và hướng dẫn điều trị các bệnh lý có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe khi kết hôn, mang thai, sinh đẻ, các nguy cơ sinh con bị bệnh, tật bẩm sinh, góp phần đảm bảo hôn nhân bền vững và nâng cao chất lượng dân số. Việc khám sức khỏe trước khi kết hôn là hành động trách nhiệm, rất quan trọng để xây dựng nền tảng vững chắc cho cuộc sống gia đình và xã hội; bảo vệ sức khỏe cho thế hệ sau.

- Ngày 07/11/2025 Bộ Y tế ban hành Quyết định số 3472/QĐ-BYT về ban hành “Hướng dẫn chuyên môn về tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn” với mục tiêu cao hơn đó là tư vấn và khám sức khỏe cho nam, nữ trước khi kết hôn để phát hiện, phòng ngừa và hướng dẫn điều trị các bệnh lý có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe khi kết hôn, mang thai, sinh đẻ, nuôi con, các nguy cơ sinh con bị bệnh, tật bẩm sinh góp phần đảm bảo hôn nhân bền vững và nâng cao chất lượng dân số.

- Tại Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương đã đưa ra quan điểm chỉ đạo: *Công tác dân số phải chú trọng toàn diện các mặt quy mô, cơ cấu, phân bố, đặc biệt là chất lượng dân số; Chính sách dân số phải bảo đảm sự cân bằng, hài hòa giữa quyền và nghĩa vụ của mỗi người dân*; đồng thời đề ra mục tiêu đến năm 2030: **Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%.**

- Khoản 2 Điều 20 Luật Dân số yêu cầu: **Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ và khả năng cân đối ngân sách nhà nước, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định việc hỗ trợ kinh phí tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn.**

2. Dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

- Trong giai đoạn 2020-2023 toàn bộ phương tiện tránh thai cấp cho đối tượng đều được tiếp nhận từ Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (nay là Cục Dân số) để cấp cho người dân. Tuy nhiên, ngày 27/3/2024 Cục Dân số có Văn bản số 273/CDS-KHTC, trong đó nêu rõ: **Nguồn phương tiện tránh thai tại kho Cục Dân số không còn**; thuộc uống chỉ bảo đảm đến hết quý III năm 2024; dụng cụ tử cung chỉ bảo đảm cho năm 2024. Đồng thời, **đề nghị các địa phương chủ động bố trí kinh phí để mua các phương tiện tránh thai khác nhằm cấp cho các đối tượng ưu tiên.**

- Tại Quyết định số 291/QĐ-TTg ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bảo đảm mức sinh thay thế đến năm 2030 xác định **phổ cập dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản tới mọi người dân, bảo đảm công bằng, bình đẳng trong tiếp cận và sử dụng dịch vụ.**

- Khoản 3 Điều 22 Luật Dân số quy định: *Căn cứ tình hình thực tiễn, chính quyền địa phương cấp tỉnh quyết định triển khai thực hiện hỗ trợ phương tiện tránh thai, chi phí dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; đối tượng thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đơn vị hành chính cấp xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; xã thuộc khu vực biên giới đất liền.*

Từ những cơ sở nêu trên, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh hỗ trợ kinh phí tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; hỗ trợ phương tiện tránh thai và chi phí thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình là cần thiết, bảo đảm tính liên tục, không bị gián đoạn, chủ động nguồn lực địa phương nhằm

nâng cao chất lượng dân số và phát triển phù hợp với giai đoạn mới trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong triển khai thực hiện hoạt động hỗ trợ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, phát hiện và phòng ngừa, hướng dẫn điều trị các bệnh lý có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe trước khi kết hôn, bảo đảm hôn nhân bền vững góp phần nâng cao chất lượng dân số phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, phù hợp với trọng tâm công tác dân số trong tình hình mới.

- Hỗ trợ người dân tiếp cận phương tiện tránh thai và dịch vụ kế hoạch hóa gia đình một cách thuận lợi, an toàn, giảm tỷ lệ mang thai ngoài ý muốn, giảm nạo phá thai, góp phần điều chỉnh mức sinh phù hợp, giảm chênh lệch mức sinh giữa các khu vực, nâng cao chất lượng dân số và phát triển bền vững.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Việc xây dựng Nghị quyết theo đúng quy định và phù hợp với quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, điều kiện kinh tế - xã hội cũng như khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức hỗ trợ kinh phí từ ngân sách tỉnh cho hoạt động tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn; hỗ trợ phương tiện tránh thai và chi phí thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình nhằm nâng cao chất lượng dân số.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người cung cấp dịch vụ; người dân trong độ tuổi sinh đẻ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; đối tượng thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đơn vị hành chính cấp xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; xã thuộc khu vực biên giới đất liền.

b) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh Quảng Ngãi quản lý.

c) Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu Lý Sơn; cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan

3. Bố cục của dự thảo Nghị quyết gồm có 05 điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Điều 3. Nội dung và mức hỗ trợ.

Điều 4. Kinh phí thực hiện.

Điều 5. Tổ chức thực hiện.

4. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết:

4.1. Hỗ trợ kinh phí thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn

a) Hỗ trợ kinh phí tư vấn kết hợp khám sức khỏe trước khi kết hôn (do nhân viên y tế thực hiện cùng với việc cung cấp dịch vụ khám sức khỏe tại các cơ sở y tế có đủ điều kiện khám theo quy định).

b) Mức hỗ trợ: Miễn phí dịch vụ y tế cơ bản về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn cho nam, nữ thanh niên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; đối tượng thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đơn vị hành chính cấp xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; xã thuộc khu vực biên giới đất liền. Mức chi theo giá dịch vụ được cấp có thẩm quyền quyết định tại thời điểm thực hiện dịch vụ.

4.2. Hỗ trợ phương tiện tránh thai và chi phí thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

a) Mua các phương tiện tránh thai gồm: dụng cụ tử cung, thuốc tiêm tránh thai, viên uống tránh thai.

b) Miễn phí kỹ thuật thực hiện các biện pháp tránh thai lâm sàng gồm: đặt và tháo dụng cụ tử cung, cấy và tháo thuốc tránh thai, tiêm thuốc tránh thai.

c) Mức hỗ trợ: Miễn phí cho các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội; đối tượng thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đơn vị hành chính cấp xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo; xã thuộc khu vực biên giới đất liền có nhu cầu thực hiện các biện pháp tránh thai để chủ động sinh con, kế hoạch hóa gia đình (mỗi đối tượng được hỗ trợ một loại phương tiện tránh thai do đối tượng lựa chọn và đăng ký sử dụng). Mức chi theo giá được cấp có thẩm quyền quyết định tại thời điểm thực hiện.

IV. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Dự kiến nguồn lực

a) Đối với chi hỗ trợ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn: Dự kiến khoảng **6.244.464.000** đồng/năm. (*Chi tiết tại phụ lục 1 đính kèm*)

b) Đối với chi hỗ trợ phương tiện tránh thai và chi phí thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình: Dự kiến khoảng **10.536.451.389** đồng/năm (*chi tiết tại phụ lục 2 đính kèm*).

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

3. Thời gian dự kiến trình ban hành Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết dự kiến trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp tháng 6 năm 2026 để có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2026, cùng thời điểm có hiệu lực của Luật Dân số.

Kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Văn hóa-Xã hội,
Kinh tế-Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Các Sở: Y tế, Nội vụ, Tư pháp, Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Sâm